

Bản án số 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17.9.2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường và ông Lê Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-ST ngày 22.8.2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08.9.2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Thanh H, sinh năm 1994; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Quang P, sinh năm 1993; Địa chỉ: K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong các phiên hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trịnh Quang P xây dựng gia đình và đăng ký kết hôn ngày 26/6/2014 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường T). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chồng tôi rất nóng tính và những lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chồng tôi đều chửi bới, xúc phạm tôi và gia đình tôi, đến nơi làm việc của tôi gây sự. Vì không thể chịu đựng thêm được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay.

Nay tôi xác định mâu thuẫn đã quá mức trầm trọng không thể gài gấn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Trịnh Quang P.

- Về con chung: Tôi xác định tôi và ông Trịnh Quang P có 02 con chung tên Trịnh Mai Yên N, sinh ngày 22.12.2014 và Trịnh Quang P1, sinh ngày 04.01.2018. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000đ (3.000.000đ/tháng/con).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Trong bản tự khai và tại các phiên hoà giải bị đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: ông P thống nhất với lời trình bày của bà Mai Thị Thanh H về thời gian chung, kết hôn. Quá trình chung sống, ông P xác nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng đây là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống chưa đến mức trầm trọng, ông P thừa nhận bản thân đôi lúc nóng tính, có dùng lời lẽ to tiếng xúc phạm vợ khi hai bên xảy ra tranh cãi, nhưng đã biết sai, đã thay đổi bản thân để mong muốn vợ chồng hàn gắn. Do đó, ông P không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái, vì nếu vợ chồng ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Mai Yên N, sinh ngày 22.12.2014 và Trịnh Quang P1, sinh ngày 04.01.2018. Vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên ông P không có ý kiến về việc nuôi con chung. Nếu ly hôn thì nguyện vọng muốn nuôi 01 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho bà Mai Thị Thanh H được ly hôn với ông Trịnh Quang P. Về con chung, giao con chung Trịnh Mai Yên N1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trịnh Quang P1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Mai Thị Thanh H và ông Trịnh Quang P là tranh chấp về hôn nhân gia đình; bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 39,

điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ), đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H, ông P đã phát sinh mâu thuẫn. Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách và lối sống không hoà hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau; ông P nóng tính nên những lần xảy ra cãi vã ông P đều chửi bới, xúc phạm bà và gia đình bà. Ông P cũng thừa nhận bản thân nóng tính, có dùng lời lẽ to tiếng xúc phạm bà H. Tại Biên bản xác minh ngày 20/8/2025, địa phương cung cấp thông tin “*Quá trình chung sống vợ chồng có xích mích, đánh nhau và gia đình của bà H có lên trình báo với tổ dân phố, đề nghị Tòa án xử lý theo pháp luật để giải quyết*”. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà H ông P thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Tòa án đã tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng đến nay bà H vẫn kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, ông P vắng mặt lần thứ hai không có lý do chứng tỏ ông P không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà H ông P có 02 con chung là Trịnh Mai Yên N, sinh ngày 22.12.2014 và Trịnh Quang P1, sinh ngày 04.01.2018. Bà H có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000đ (3.000.000đ/tháng/con). Ông P yêu cầu được nuôi 01 con chung nếu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều có khả năng lao động, có chỗ ở ổn định nên đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao cả 02 con cho một bên nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế cho sự phát triển của các con. Vì vậy, cần giao mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp. Cháu Trịnh Mai Yên N1 là con gái nên cần giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của con và giao cháu Trịnh Quang P1 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Thanh H về việc “*Ly hôn*” đối với ông Trịnh Hoàng P2.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh H được ly hôn với ông Trịnh Hoàng P2.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Mai Yên N, sinh ngày 22.12.2014 cho bà Mai Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Quang P1, sinh ngày 04.01.2018 cho ông Trịnh Hoàng P2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Mai Thị Thanh H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000304 ngày 10.7.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND p. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Cường

